

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ

Ngành: Nuôi trồng thủy sản
(AQUACULTURE)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

Đơn vị được giao quản lý	Viện Nuôi trồng Thủy sản
Tên chương trình	Nuôi trồng thủy sản
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Mã số ngành đào tạo	8620301
Định hướng đào tạo	Ứng dụng
Tổng số tín chỉ	60
Thời gian đào tạo	2 năm
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản
Thời gian cập nhật, điều chỉnh CTĐT	4/2022
Quyết định ban hành	Số 569/QĐ-ĐHNT ngày 16/5/2022

II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản là chương trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức và kỹ năng tiên tiến, hiểu biết sâu sắc về nuôi trồng thủy sản. Chương trình bao gồm các khối kiến thức chính: Sản xuất giống và nuôi thương phẩm, dinh dưỡng và thức ăn, quản lý chất lượng nước và quản lý sức khỏe động vật thủy sản.

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo thạc sĩ Nuôi trồng thủy sản nhằm giúp cho người học bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn và năng lực hoạt động nghề nghiệp với các mục tiêu sau:

1. PEO1: Có kiến thức nền tảng về triết học, ngoại ngữ, kiến thức về lãnh đạo, quản trị; có bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ.
2. PEO2: Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng và kiến thức thực tế về lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.
3. PEO3: Có khả năng tư duy sáng tạo, tự định hướng, tự học và tự thích ứng; khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.
4. PEO4: Có khả năng nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học – công nghệ trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản.

- PEO5: Có khả năng xây dựng, tổ chức thực hiện các quy trình sản xuất nuôi trồng thủy sản, quản lý môi trường, quản lý sức khỏe động vật thủy sản.
- PEO6: Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ mới; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong lĩnh vực chuyên môn.

IV. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nuôi trồng thủy sản, người học có những phẩm chất và năng lực sau:

- PLO1: Vận dụng cơ sở lý luận triết học vào công việc nghiên cứu; áp dụng các kiến thức nền tảng để phát triển nghề nghiệp, phát triển khả năng quản trị và lãnh đạo; thực hiện trách nhiệm trong công việc và đạo đức nghề nghiệp. Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam;
- PLO2: Vận dụng kỹ năng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề để làm việc hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn;
- PLO3: Phân tích, đánh giá được sự phát triển của công nghệ nuôi trồng thủy sản; vận dụng các kiến thức công nghệ mới vào việc cải tiến hoặc xây dựng quy trình sản xuất; quản lý môi trường và dịch bệnh;
- PLO4: Đề xuất các hướng nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, tổ chức thực hiện nghiên cứu hoặc triển khai ứng dụng kết quả khoa học – công nghệ thuộc lĩnh vực nuôi trồng thủy sản;
- PLO5: Xây dựng, lập kế hoạch, điều hành sản xuất giống và nuôi thương phẩm; sản xuất thức ăn; quản lý môi trường và dịch bệnh thủy sản.

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

- Cán bộ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản, sản xuất thức ăn và dịch vụ thủy sản.
- Cán bộ quản lý, chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan phân tích, kiểm dịch và quản lý chất lượng giống, thức ăn trong nuôi trồng thủy sản.
- Nghiên cứu viên, giảng viên tại các cơ quan nghiên cứu và đào tạo trong lĩnh vực thủy sản.

VI. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào và điều kiện về văn bằng đại học

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành đúng, phù hợp và ngành gần; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên.

TT	Ngành đào tạo	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Các yêu cầu khác (nếu có)
----	---------------	---------------------------	---------------------------

1	Ngành đúng	Không	
	- Nuôi trồng thủy sản - Bệnh học thủy sản - Quản lý nguồn lợi thủy sản (cũ)		
2	Ngành gần, ngành phù hợp	Có	
	- Quản lý thủy sản - Khoa học thủy sản - Khai thác thủy sản - Nông học - Nông nghiệp - Chăn nuôi - Thú y - Khuyến nông - Sinh học - Công nghệ sinh học - Sinh học ứng dụng		

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức:

Tùy theo chương trình học ghi trong bảng điểm, học viên thuộc đối tượng có bằng đại học ngành gần hoặc phù hợp phải học bổ túc tổng khối lượng các học phần không quá 12 tín chỉ. Học viên sẽ chọn trong số các học phần sau:

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	FBI336	Mô và phôi động vật thủy sản	3(2-1)
2	FBI335	Sinh lý động vật thủy sản	3(2-1)
3	FBI334	Sinh thái thủy sinh vật	3(2-1)
4	AQT338	Dinh dưỡng trong nuôi trồng thủy sản	3(2-1)
5	EPM351	Bệnh học thủy sản	4(3-1)
6	AQT354	Sản xuất giống và nuôi cá biển	3(3-0)
7	AQT355	Sản xuất giống và nuôi giáp xác	3(3-0)
8	AQT353	Sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt	4(4-0)
9	AQT356	Sản xuất giống và nuôi động vật thân mềm	3(3-0)

3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển.

VII. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH

Phần	Nội dung		Khối lượng	Tỷ lệ
1	Tổng quát		14 TC	23,3%
	Bắt buộc	Học phần Triết học (3 tín chỉ). Tiếng Anh (6 tín chỉ).	9 TC	15%

	Tự chọn	Các học phần kiến thức và kỹ năng tổng quát phục vụ cho hoạt động chuyên môn nghề nghiệp hiệu quả.	5 TC	8,3%
2	Ngành và chuyên ngành		31 TC	51,7%
	Bắt buộc	Các học phần có nội dung thiết yếu của ngành, chuyên ngành nhằm bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp.	22 TC	36,7%
	Tự chọn	Các học phần mở rộng và nâng cao kiến thức của ngành, liên ngành hoặc đa dạng hoá hướng chuyên môn.	9 TC	15%
3	Thực tập, nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai			
	Bắt buộc	Thực tập, đi thực tế, trải nghiệm sản xuất; nghiên cứu triển khai, kiểm nghiệm, ứng dụng lý thuyết, khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh và quản lý.	6 TC	10%
4	Tốt nghiệp			
	Bắt buộc	Đồ án tốt nghiệp thạc sĩ	9 TC	15%
Tổng số tín chỉ của chương trình			60 TC	100%

VIII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức tổng quát		14	
1.1. Các học phần bắt buộc		9	
POS501	Triết học/ <i>Philosophy</i>	3(3-0)	
	Tiếng Anh học thuật 1 / <i>Academic English 1</i>	3(3-0)	
	Tiếng Anh học thuật 2 / <i>Academic English 2</i>	3(3-0)	
1.2. Các học phần tự chọn		5	
Nhóm học phần tự chọn 1 (chọn ít nhất 1 học phần)			
EC543	Khoa học quản lý / <i>Management Science</i>	3(3-0)	
GS505	Quản lý dự án / <i>Project management</i>	3(3-0)	
Nhóm học phần tự chọn 2 (chọn ít nhất 1 học phần)			
	Phương pháp luận khoa học / <i>Scientific Methodology</i>	2(2-0)	
	Tư duy phản biện và tư duy sáng tạo / <i>Critical and Creative Thinking</i>	2(2-0)	
2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		31	

2.1. Các học phần bắt buộc		22	
AQ540	Nội tiết động vật thủy sản/ <i>Endocrinology of Aquatic Animals</i>	2(2-0)	
AQ502	Di truyền và chọn giống thủy sản/ <i>Genetics and Selective Breeding for Aquaculture</i>	3(3-0)	
AQ541	Nuôi trồng thủy sản nâng cao/ <i>Advanced Aquaculture</i>	4(4-0)	
	Dinh dưỡng và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản / <i>Nutrition and Feeds in Aquaculture</i>	4(3-1)	
AQ508	Quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản/ <i>Environmental Management in Aquaculture</i>	2 (2-0)	
AQ521	Quản lý sức khỏe động vật thủy sản/ <i>Health Management in Aquatic Animals</i>	4(3-1)	
AQ516	Thiết kế thí nghiệm và phân tích số liệu trong nuôi trồng thủy sản/ <i>Aquaculture Experimental Design and Data Analysis</i>	3(2-1)	
2.2. Các học phần tự chọn		9	
AQ509	Sinh thái học nghề cá/ <i>Fisheries Ecology</i>	3(3-0)	
AQ529	Ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy sản/ <i>Application of Biotechnology in Aquaculture</i>	3(3-0)	
AQ526	Miễn dịch học và vaccine / <i>Immunology and Vaccines</i>	3(3-0)	
AQ507	Nguồn lợi thủy sản/ <i>Fisheries Resources</i>	3(3-0)	
AQ514	Phát triển nguồn lợi rong biển/ <i>Seaweed Resource Development</i>	3(2-1)	
FIE518	Quản lý doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản/ <i>Business Management for Aquacultural Enterprises</i>	3(3-0)	
3. Thực tập / nghiên cứu ứng dụng hoặc triển khai		6	
	Thực tập sản xuất và nghiên cứu nuôi trồng thủy sản / <i>Practical Work on Aquaculture Production and Research</i>	6(0-6)	
4. Tốt nghiệp		9	
	Đồ án tốt nghiệp / <i>Master project</i>	9(0-9)	
Tổng cộng:		60	